TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Thùy D**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Q, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Chánh T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long).

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Chánh T kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 29/3/2024. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, bà và

ông T sống hạnh phúc, nhưng đến giữa năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm; bà và ông T không còn thương yêu, quan tâm, hỗ trợ nhau trong cuộc sống. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên xin được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án "Ly hôn" giữa bà và ông T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông Phạm Chánh T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Võ Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long giải quyết ly hôn với ông Phạm Chánh T. Ông T hiện cư trú tại xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà D và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 29/3/2024 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo bà D trình bày thì sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông T sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, bà và ông T không còn thương yêu, quan tâm, hỗ trợ nhau trong cuộc sống; bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay; nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên xin được ly hôn. Tòa án đã nhiều lần mời ông T đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng ông T đều vắng mặt, không có lý do.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà D và ông T đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần mời bà D và ông T đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà D vẫn kiên quyết xin ly hôn; ông T đều vắng mặt, không có lý do, điều này thể hiện ông T đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà D. Mặt khác, bà D và ông T đã sống ly thân thời gian dài nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà D và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, bà D được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Bà D trình bày bà và ông T không có con chung, tài sản chung và nợ chung; ông T vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà D phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thùy D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thùy D được ly hôn với ông Phạm Chánh T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Thị Thùy D phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005893 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Võ Thị Thùy D đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến